TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Võ Thanh H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Ngọc N (sau đây gọi là bà N) với ông Võ Thanh H (sau đây gọi là ông H) tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 19/5/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 24/02/2012. Đến tháng 6 năm năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mỗi người

có một cách sống riêng, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H; về con chung, cháu Võ Minh K đang sống chung với bà N và được học hành ổn định nên bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, không có.

Bị đơn ông Võ Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N.

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Võ Thanh H.

+ Về con chung: giao con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 24/02/2012 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ly hôn với ông H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại thị trấn Ó,

huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông H đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông H tiến đến hôn nhân từ năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 19/5/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà N và ông H phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà N thấy rằng, bà và ông H sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã nhau. Mặc dù được gia đình động viên, hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, từ đó quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông H thông báo hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho ông H và bà N hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông H trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt, không có lý do; cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với bà N.

[4] Từ những nhận định tại mục [3], xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2023 và sống ly thân, bỏ mặc nhau cho đến nay. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H.

Xét, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[5] Về quan hệ con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Võ Minh K, sinh ngày 24/02/2012. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu K đang sống chung với bà N và được học hành ổn định. Đồng thời, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu K ngày 10/6/2024 thì cháu muốn được sống chung với bà N. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển thể chất, tinh thần của cháu K, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N.

1.1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Võ Thanh H.

1.2. Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung là Võ Minh K, sinh ngày 24/02/2012.

Giao cháu Võ Minh K cho bà Nguyễn Ngọc N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu K đang sống chung với bà N). Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Ngọc N và ông Võ Thanh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0013764 ngày 02/4/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà N đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em